

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/8/2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Đức;

2. Ông Võ Tấn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Tấn Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Loan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đội 5, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Đội 5, thôn Đ, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/5/2019, bản tự khai ngày 28/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc T2 trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh T2 thường hay uống rượu về nhà đánh đập chị, cuộc sống ngày càng bất hòa, mâu

thuần vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tình cảm giữa chị và anh T2 không còn nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T2.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung tên là: Nguyễn Thị N, sinh ngày 07/6/1994, Nguyễn Phi L, sinh ngày 10/12/1995 hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị và anh T2 không nợ ai, không ai nợ anh chị.

Theo bản tự khai ngày 21/6/2019 bị đơn anh Nguyễn Ngọc T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị T trước khi tổ chức lễ cưới có tự nguyện tìm hiểu trước nhưng không đăng ký kết hôn và sống chung với nhau từ năm 1992 đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Vợ chồng sống không hợp nhau, thường cãi vả nhau, anh và chị T không còn tình cảm nữa. Nay chị T nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 người con chung tên là: Nguyễn Thị N, sinh ngày 07/6/1994, Nguyễn Phi L, sinh ngày 10/12/1995 hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh và chị T không nợ ai, không ai nợ anh chị.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật: Căn cứ vào Điều 28; 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xét thấy Chị T và anh T2 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó đề nghị HĐXX không công nhận chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Ngọc T2 là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con chung tên là: Nguyễn Thị N, sinh ngày 07/6/1994, Nguyễn Phi L, sinh ngày 10/12/1995 hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay mượn, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Ngọc T2 có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Ngọc T2 tổ chức lễ cưới, có tự nguyện tìm hiểu nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại công văn số: 29/UBND ngày 18/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã Tịnh Giang về việc trả lời đơn của bà Tạ Thị T thì: “.... hồ sơ lưu trữ tại tòn thư Tư pháp – Hộ tịch xã Tịnh Giang không có hồ sơ đăng ký việc kết hôn của bà Tạ Thị T và ông Nguyễn Ngọc T2”. Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2019, Ủy ban nhân dân xã Tịnh Giang cho biết: Về quan hệ hôn nhân ông Nguyễn Ngọc T2 và bà Tạ Thị T chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương chúng tôi không biết.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

Trong quá trình Tố tụng và tại phiên tòa, chị Tạ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Ngọc T2, anh T2 đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Ngọc T2, anh T2 thuận tình ly hôn với chị T là không có căn cứ chấp nhận vì chị T và anh T2 không phải là vợ chồng theo quy định như đã viện dẫn ở trên. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T2.

[2.2] Về con chung: Theo quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Quyền, nghĩa vụ của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con*.”. Chị T và anh T2 có 02 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 07/6/1994 và Nguyễn Phi L, sinh ngày 10/12/1995. Hiện nay cháu N, cháu L đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh T2 đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không có nợ chung và không cho ai vay mượn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 147; 235; 266; 271 Bộ Luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thị T với anh Nguyễn Ngọc T2.

2. Về con chung: Chị T và anh T2 có 02 con chung là Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 07/6/1994 và Nguyễn Phi L, sinh ngày 10/12/1995, các cháu N và L đều đã trưởng thành có công việc làm ổn định nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh T2 đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không có nợ chung và không cho ai vay mượn.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Tạ Thị T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0003115 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Tịnh, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kháng cáo: Chị Tạ Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Ngọc T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã Tịnh Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thanh Hòa